

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13 /2018/HNGĐ-ST

Ngày 25 - 7 -2018

V/v tranh chấp ly hôn, tranh
chấp nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG - TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Đông Cúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Đăng
2. Ông Nguyễn Văn Sĩ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa: bà Hồ Thị Thuần – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 279/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2017 về việc: “Tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Phạm Thị Ngọc D, sinh năm: 1981

Địa chỉ: ấp X, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

Tạm trú: khóm V, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: anh Dương Văn H, sinh năm: 1975

Địa chỉ: đường H, phường V, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: khóm V, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh H: Luật sư Nguyễn Hoàng G
- Văn phòng Luật sư H thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: đường N, phường U, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Chị D có mặt. Anh H, luật sư G vắng mặt lần thứ 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Ngọc D (sau đây gọi tắt là chị D) và anh Dương Văn H (sau đây gọi tắt là anh H) sống chung như vợ chồng với nhau từ năm 2012, đến năm 2016 mới đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận kết hôn số 67/2016 ngày 28/9/2016 tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Long An. Trong thời gian sống chung chị D và anh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống chung nhưng công việc và tiền bạc mỗi người tự quản lý, các khoản chi tiêu trong gia đình và nghĩa vụ nuôi con chị D tự lo hoàn toàn, mâu thuẫn ngày càng tăng lên khi chị D và anh H có thêm con chung thứ hai, khoảng từ tháng 5/2017 cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc. Lần mâu thuẫn cuối cùng từ tháng 7/2017 và vợ chồng sống ly thân đến nay. Trong thời gian sống ly thân chị D và anh H có gặp nhau để hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay chị D yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Trong thời gian sống chung, chị D và anh H có với nhau hai người con chung tên Dương Gia P (sau đây gọi tắt là cháu P), sinh ngày 28/7/2012 và Dương Ngọc Minh A (sau đây gọi tắt là cháu A), sinh ngày 23/7/2016, hiện nay hai con chung đang sống với chị D. Khi ly hôn chị D yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay chị D khẳng định giữa chị và anh H không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay chị D khẳng định giữa chị và anh H không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Bị đơn anh Dương Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H thống nhất về quá trình chung sống và kết hôn như chị D trình bày. Tuy nhiên, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc. Đến tháng 7/2017 thì vợ chồng mới xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H và chị D bất đồng ý kiến, anh H thừa nhận trong quá trình chung sống anh không chia sẻ kinh tế với chị D nên mới phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong quá trình sống ly thân anh có nhiều lần đến gặp chị D để hàn gắn tình cảm nhưng không được. Nay theo yêu cầu ly hôn của chị D anh không đồng ý vì anh còn thương chị D mong muốn được hàn gắn tình cảm.

Về con chung: Anh H đồng ý với chị D về việc vợ chồng có hai người con chung như chị D trình bày, hiện nay hai con chung đang sống với chị D. Anh H không đồng ý ly hôn với chị D nhưng nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là cháu P, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Anh H đồng ý giao cháu A cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu A theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Tại các buổi hòa giải anh H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Tại các buổi hòa giải anh H khẳng định giữa anh và chị D không có nợ chung.

Tại phiên tòa ngày 13/4/2018 anh H yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung và nợ chung của anh H và chị D. Anh cho rằng giữa anh và chị D có tài sản chung, hiện chị D đang quản lý. Về nợ chung giữa anh và chị D có nợ Công ty Hoàng L hơn 1 tỷ đồng. Nay anh yêu cầu tòa án xem xét.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu và khẳng định đã xuất trình đầy đủ các chứng cứ cho Tòa án xem xét giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị D có đơn xin ly hôn với anh H, trú tại khóm V, thị trấn T Chim, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh H, Luật sư Hoàng G vắng mặt lần thứ 2 không lý do. Căn cứ điểm b, đ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh H, Luật sư Hoàng G.

Vào ngày 26/6/2018 Tòa án nhân dân huyện Tam Nông có nhận được đơn xin chuyển vụ án do anh H gửi đề ngày 25/6/2018 về việc xin chuyển vụ án theo thẩm quyền vì anh cho rằng hiện nay anh đã về sinh sống theo địa chỉ: đường H, khóm V, phường V, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Xét thấy quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt cho anh H theo địa chỉ: khóm V, thị trấn T Chim, huyện T, tỉnh Đồng Tháp đúng như chị Phạm Thị Ngọc D ghi trong đơn. Anh H đã nhận các thủ tục tổng đạt và cũng đã đến Tòa án để tiến hành các thủ tục tố tụng như: công khai chứng cứ, hòa giải, đối chất...và mở phiên tòa vào ngày 13/4/2018 anh H đều có mặt. Mặt khác tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 04/6/2018 và đơn xin hoãn phiên tòa ngày 25/6/2018 anh H gửi đến Tòa án anh trình bày hiện tạm trú tại: khóm V, thị trấn T Chim, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Phiên tòa hôm nay chị D cũng không đồng ý chuyển vụ án theo yêu cầu anh H. Căn cứ khoản 3, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án anh H có thay đổi nơi cư trú thì Tòa án nhân dân huyện Tam Nông vẫn phải tiếp tục giải quyết vụ án. Do đó yêu cầu xin chuyển vụ án của anh H là không có căn cứ chấp nhận.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị D có đơn xin ly hôn với anh H và yêu cầu được nuôi con chung, tài sản chung không có, nợ chung không có nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là: “Tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Điều 56, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

[3] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân, chị D và anh H chung sống như vợ chồng vào năm 2012, đến năm 2016 mới đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống chị D và anh H thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do chị D và anh H bất đồng quan điểm, lần mâu thuẫn cuối cùng vào tháng 7/2017, từ đó anh chị sống ly thân cho đến nay. Trước đây và cũng như tại phiên tòa hôm nay chị D yêu cầu ly hôn với anh H, tại các buổi làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa ngày 13/4/2018 anh H không đồng ý ly hôn với chị D vì anh còn thương chị D mong muốn được hàn gắn tình cảm. Tòa án nhiều lần hòa giải đoàn tụ cho anh H và chị D, phiên tòa hôm nay chị D cương quyết ly hôn. Xét thấy chị D và anh H ly thân từ tháng 7/2017 đến nay có gặp nhau nhưng không tự hàn gắn. Gia đình hai bên cũng không hàn gắn cho anh chị, phiên tòa hôm nay chị D cương quyết ly hôn nên xét hôn nhân giữa chị D và anh H trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu ly hôn của chị D là chính đáng, phù hợp pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D đối với anh H.

[4] Về con chung: Trong thời gian sống chung chị D và anh H khẳng định có hai người con chung là cháu P và cháu A, hiện nay hai con chung đang sống chung với chị D. Tại các buổi hòa giải và phiên tòa hôm nay chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Tại các buổi hòa giải và phiên tòa ngày 13/4/2018 anh H không đồng ý ly hôn nhưng nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị D, anh H đồng ý giao con chung cháu A cho chị D được tiếp tục nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu A theo quy định pháp luật. Anh yêu cầu được nuôi cháu P, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu được nuôi cháu P của anh H là không có cơ sở. Bởi lẽ, từ khi anh chị ly thân đến nay 02 con chung đang sống với chị D, hơn nữa thu nhập của chị D 35.000.000đ/ 1 tháng, với mức lương nêu trên tương đối ổn định nên chị D có đủ điều kiện để nuôi con và để đảm bảo cuộc sống ổn định của hai cháu nên xét yêu cầu nuôi con của chị D là phù hợp. Căn cứ vào Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị D. Do đó chị D được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu P và cháu A.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung, phiên tòa ngày 13/4/2018 anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cháu A theo quy định pháp luật. Tuy nhiên chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay chị D khẳng định giữa chị và anh H không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[7] Tại phiên tòa ngày 13/4/2018 anh H yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của anh H và chị D. Tòa án đã thông báo cho anh H nộp đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo để thụ lý yêu cầu chia tài sản chung của anh H và chị D nhưng đến nay anh H vẫn không có đơn khởi kiện cũng như các tài liệu chứng cứ gửi cho Tòa án nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung giữa chị D và anh H sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[8] Về nợ chung: Tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay chị D khẳng định giữa chị và anh H không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa ngày 13/4/2018 anh H cho rằng có nợ Công ty Hoàng L số tiền hơn 1 tỷ đồng yêu cầu Tòa án giải quyết xem xét nợ chung giữa anh H và chị D. Tòa án đã thông báo cho anh H nộp đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo để thụ lý yêu cầu chia nợ chung giữa anh H và chị D nhưng đến nay anh H vẫn không có đơn yêu cầu cũng như các tài liệu chứng cứ gửi cho Tòa án nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp về nợ chung giữa chị D và anh H sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[9] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D đối với anh H, về con chung giao chị D được tiếp tục nuôi dưỡng. Tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp nợ chung và tài sản chung sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39, Điều 147, điểm b, đ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1, Điều 56, Điều 58, Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ - Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Ngọc D được ly hôn với anh Dương Văn H.

2/ - Về quan hệ con chung:

- Không chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung của anh Dương Văn H đối với chị Phạm Thị Ngọc D về việc được nuôi cháu Dương Gia P, sinh ngày 28/7/2012.

- Chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung của chị Phạm Thị Ngọc D đối với anh Dương Văn H về việc được nuôi hai con chung. Chị Phạm Thị Ngọc D được

tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng hai cháu Dương Gia P, sinh ngày 28/7/2012 và Dương Ngọc Minh A, sinh ngày 23/7/2016 hiện cháu P và cháu A đang sống với chị Phạm Thị Ngọc D. Anh Dương Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con (do chị Phạm Thị Ngọc D có không yêu cầu). Anh Dương Văn H được quyền đến thăm nom và chăm sóc cháu P và cháu A, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

3/- Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4/- Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5/- Về án phí: Chị Phạm Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn. Nhưng được trừ vào toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 17108 ngày 06 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND T.Đồng Tháp;
- VKSND H.Tam Nông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Châu Thị Đông Cúc

